

LYTE

Tính năng nổi trội

- Dải đầu vào điện áp AC thông dụng
- Mật độ công suất cao
- Tích hợp mạch dòng không đổi cho tải phản hàng
- Tuân theo tiêu chuẩn IEC/EN 61000-3-2, Class A
- Tích hợp tiếp điểm relay DC OK (dùng cho
- Tuân thủ SEMI F47

Thông số Kỹ thuật

		COMING SOON		COMING SOON		
Đầu ra		DRL-12V75W1AZ	DRL-24V75W1AZ	DRL-24V120W1A□	DRL-24V240W1A□	DRL-24V480W1A□
Điện áp đầu ra		12V	24V	24V	24V	24V
Dải điện áp đầu ra		10.8-13.2V	21.6-26.4V	22-28V	22-28V	22-28V
Dòng điện đầu ra		6.25A	3.125A	5.0A	10.0A	20.0A
Công suất đầu ra		75W	75W	120W	240W	480W
PARD (20MHz)		< 80mVpp @ -10°C to +70°C	< 120mVpp @ -10°C to +70°C	< 120mVpp @ -10°C to +70°C, < 240mVpp @ -20°C to -10°C	< 120mVpp @ 0°C to +70°C, < 240mVpp @ -10°C to 0°C, < 360mVpp @ -20°C to -10°C	
Thời gian lưu điện	115Vac	12ms typ.	12ms typ.	20ms typ.	10ms typ.	10ms typ.
	230Vac	60ms typ.	60ms typ.	90ms typ.	16ms typ.	16ms typ.
Đầu vào						
Pha đầu vào		Single Phase				
Dải điện áp đầu vào		85-264Vac		85-264Vac (DC input range 120-375Vdc) ¹⁾		
Tần số đầu vào		47-63Hz				
Dòng đầu vào	115Vac	1.45A typ.	1.45A typ.	2.2A typ.	2.8A typ.	5.4A typ.
	230Vac	0.9A typ.	0.9A typ.	1.2A typ.	1.4A typ.	2.7A typ.
Hiệu quả ²⁾ khi 100% tải	115Vac	-	-	85.0% typ.	88.0% typ.	85.0% typ.
	230Vac	85.5% typ.	88.5% typ.	88.0% typ.	90.0% typ.	88.0% typ.
Dòng khởi động max	115Vac	-	-	20A typ.	20A typ.	40A typ.
	230Vac	40A typ.	40A typ.	40A typ.	40A typ.	80A typ.
Hệ số công suất	115Vac	NA	NA	Conform to EN 61000-3-2	> 0.95	> 0.95
	230Vac					
Dòng rò	240Vac	< 1mA	< 1mA	-	-	-
	264Vac	-	-	< 0.25mA	< 1mA	< 1mA
Cơ khí						
Chất liệu vỏ		Plastic		SGCC / Aluminium		
Kích thước (L × W × D)	mm	123.6 × 27 × 102	123.6 × 27 × 102	123.6 × 40 × 117.6	123.6 × 60 × 117.6	123.6 × 85.5 × 128.5
	inch	4.87 × 1.06 × 4.02	4.87 × 1.06 × 4.02	4.87 × 1.57 × 4.63	4.87 × 2.36 × 4.63	4.87 × 3.37 × 5.06
Cân nặng	kg	TBA	TBA	0.54	0.80	1.30
	lb	TBA	TBA	1.19	1.76	2.86
Hệ số làm mát		Convection				
MTBF ³⁾		> 700,000 hrs	> 700,000 hrs	> 700,000 hrs	> 700,000 hrs	> 700,000 hrs
Môi trường						
Nhiệt độ hoạt động ⁴⁾		-20°C to +70°C				
Nhiệt độ lưu trữ		-40°C to +85°C				
Độ ẩm hoạt động						
Độ cao hoạt động		Industrial Application: 0 to 2,000 m (0 to 6,560 ft) ITE Application: 0 to 5,000 m (0 to 16,400 ft)				



Tính năng nổi trội

- Dải đầu vào điện áp AC thông dụng
- Mật độ công suất cao
- Tích hợp mạch dòng không đổi cho tải phản hàng
- Tuân theo tiêu chuẩn IEC/EN 61000-3-2, Class A
- Tích hợp tiếp điểm relay DC OK (dùng cho
- Tuân thủ SEMI F47

Specifications

COMING SOON			
Đầu ra		DRL-48V75W1AZ	DRL-48V120W1A□
Điện áp đầu ra		48V	48V
Dải điện áp đầu ra		43.2-52.8V	44-56V
Dòng điện đầu ra		1.57A	2.50A
Công suất đầu ra		75.36W	120W
PARD (20MHz)		< 150mVpp @ -10°C to +70°C	
Thời gian lưu điện	115Vac	12ms typ.	20ms typ.
	230Vac	60ms typ.	90ms typ.
Đầu vào			
Pha đầu vào		Single Phase	
Dải điện áp đầu vào		85-264Vac	85-264Vac (DC input range 120-375Vdc) ¹⁾
Tần số đầu vào		47-63Hz	
Dòng đầu vào	115Vac	1.45A typ.	2.2A typ.
	230Vac	0.9A typ.	1.2A typ.
Hiệu quả ²⁾ khi 100% tải	115Vac	-	89.0% typ.
	230Vac	88.5% typ.	90.0% typ.
Dòng khởi động max	115Vac	-	20A typ.
	230Vac	40A typ.	40A typ.
Hệ số công suất	115Vac	NA	Conform to EN 61000-3-2
	230Vac	NA	Conform to EN 61000-3-2
Dòng rò	240Vac	< 1mA	-
	264Vac	-	< 0.25mA
Cơ khí			
Chất liệu vỏ		Plastic	SGCC / Aluminium
Kích thước (L × W × D)	mm	123.6 × 27 × 102	123.6 × 40 × 117.6
	inch	4.87 × 1.06 × 4.02	4.87 × 1.57 × 4.63
Cân nặng	kg	TBA	0.54
	lb	TBA	1.19
Hệ số làm mát		Convection	
MTBF ³⁾		> 700,000 hrs	> 700,000 hrs
Môi trường			
Nhiệt độ hoạt động ⁴⁾		-20°C to +70°C	
Nhiệt độ lưu trữ		-40°C to +85°C	
Độ ẩm hoạt động			
Độ cao hoạt động		Industrial Application: 0 to 2,000 m (0 to 6,560 ft) ITE Application: 0 to 5,000 m (0 to 16,400 ft)	